

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Khoa học vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phan Thế Long

2. Ngày tháng năm sinh: 21/01/1978; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Vietnam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Tòng Bạt, Ba Vì, Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ 22, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số 1, ngách 79/40, đường Dương Quảng Hàm, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0358366620;

E-mail: ptlong2512@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 04/2009 đến 03/2015: Giáo sư dự khuyết (Assistant professor) tại Đại học Quốc gia Chungbuk

Từ 03/2015 đến 02/2016: Giáo sư dự khuyết (Assistant professor) tại Khoa Vật lý điện tử, Đại học ngoại ngữ Hankuk

Từ 03/2016 đến 08/2019: Phó giáo sư tại Khoa Vật lý điện tử, Đại học ngoại ngữ Hankuk

Từ 09/2019 đến 10/2022: Giáo sư tại Khoa Vật lý điện tử, Đại học ngoại ngữ Hankuk

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Không có

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano (VLKT&CNNN), Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)

Địa chỉ cơ quan: Số 144, đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437547461

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 06 năm 2000, số văn bằng: c217437, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý vô tuyến

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 24 tháng 02 năm 2005, số văn bằng: 5314, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Khoa học vật liệu

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Quốc gia Chungbuk, Hàn Quốc

- Được cấp bằng TS [5] ngày 22 tháng 01 năm 2009, số văn bằng: 0537112, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Bristol, Vương Quốc Anh

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Vật liệu từ: nghiên cứu cấu trúc điện tử, tính chất từ, từ nhiệt, và các chuyển pha từ

- Vật liệu bán dẫn/vật liệu áp điện có từ tính: nghiên cứu chế tạo và khảo sát cấu trúc điện tử và tính chất đa pha sắt-điện-từ

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 6 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 55 bài báo khoa học, trong đó 53 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Dù là môi trường trong nước hay ở nước ngoài, nhà giáo đều cần đáp ứng những tiêu chuẩn, phẩm chất và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ tương tự như nhau. Việc đảm bảo những yếu tố này chính là chìa khóa giúp ổn định công việc, chuyên tâm phát triển chuyên môn/ng nghiệp vụ của bản thân. Từ đó, cống hiến cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đóng góp cho sự phát triển của đơn vị công tác nói chung và của xã hội nói riêng một cách có hiệu quả.

+ Với nhận thức sâu sắc như vậy, trong thời gian công tác tại cơ sở đào tạo ở nước ngoài (Hàn Quốc), tôi luôn nỗ lực làm việc, là người có trách nhiệm trong hoạt động giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học, và hoạt động cộng đồng. Nghiêm túc tuân thủ đầy đủ các nội quy/quy định của cơ sở đào tạo, nơi cư trú, và pháp luật của nước sở tại, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, tôi luôn chủ động kết nối và duy trì hợp tác với các đồng nghiệp trong nước (Việt Nam) thông qua việc trao đổi chuyên môn/học thuật, trao đổi học giả, phối hợp hỗ trợ sinh viên tìm kiếm học bổng sau đại học. Tích cực tham gia các hoạt động do Đại sứ quán, cộng đồng người Việt và Hội sinh viên Việt Nam ở Hàn Quốc tổ chức. Những nỗ lực ấy không chỉ góp phần vào sự phát triển, hoàn thiện bản thân, mà còn góp phần duy trì/tăng cường mối quan hệ hợp tác giáo dục và khoa học Việt Nam-Hàn Quốc, đồng thời góp phần tăng cường đoàn kết trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

+ Khi về cơ sở đào tạo trong nước công tác từ cuối năm 2022, một môi trường văn hóa/làm việc mới, tôi vẫn luôn nhận thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm và các tiêu chuẩn mà một nhà giáo cần có, cụ thể như sau:

- Về phẩm chất đạo đức, tôi luôn giữ vững lập trường tư tưởng, trung thành với lý tưởng giáo dục của Đảng và Nhà nước, thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật, các nội quy/quy chế của cơ sở đào tạo, tận tâm với nghề và luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc. Tôi luôn giữ thái độ

chuẩn mực, trung thực trong giảng dạy, nghiên cứu và trong các mối quan hệ với đồng nghiệp, và với sinh viên.

- Về năng lực chuyên môn, ngoài giảng dạy, tôi đã và đang tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học, công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước, hướng dẫn sinh viên đại học/cao học, tham gia phản biện, chấm khóa luận/đề án tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp. Đồng thời, tôi luôn nỗ lực cập nhật kiến thức mới, lồng ghép nghiên cứu vào bài giảng, phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học.

- Về nhiệm vụ của nhà giáo, tôi nhận thức rõ sứ mệnh không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn là người định hướng, khơi dậy niềm đam mê học tập và nghiên cứu của người học, luôn thực hiện tốt nhiệm vụ theo mục tiêu, nội dung và chương trình giáo dục theo quy định của cơ sở đào tạo. Ngoài ra, tôi tham gia công tác cố vấn học tập, tích cực trong các hoạt động cộng đồng và các phong trào do cơ sở đào tạo tổ chức.

Với những nỗ lực trong thời gian qua, tôi đã đạt được một số kết quả như sau:

- Đảm bảo số giờ dạy trực tiếp trên lớp theo sự phân công của các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước;
- Đã thực hiện 05 đề tài cấp cơ sở (trong đó có 05 đề tài của Trường Đại học Quốc gia Chungbuk - Hàn Quốc, và 01 đề tài của Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội);
- Hướng dẫn thạc sĩ: 03 thạc sĩ đã được nhận bằng thạc sĩ, trong đó có 01 thạc sĩ người nước ngoài (Indonesia); và hiện đang hướng dẫn 01 thạc sĩ năm thứ 2;
- Đã công bố (số lượng) trên 200 bài báo khoa học, trong đó trên 50 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín đã được lựa chọn kê khai theo các hướng nghiên cứu chính.

Tôi nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về đạo đức, năng lực chuyên môn, thành tích khoa học và cống hiến giảng dạy theo quy định hiện hành. Với tinh thần cầu thị và trách nhiệm, tôi mong muốn tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo, xứng đáng là một nhà giáo mẫu mực, có uy tín trong chuyên môn và trong cộng đồng học thuật nước nhà.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd
----	---------	---------------------------	------------------------------------	-------------------------	------------------------------------	---

		Chính	Phụ		ngành ĐH đã HD	ĐH	SDH	quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
1	3/2020-2/2021			1		60	180	240/300/240
2	3/2021-2/2022					60	180	240/300/240
3	3/2022-2/2023					60	180	240/300/240
03 năm học cuối								
4	2022-2023					70		70/84/135
5	2023-2024				1	265	30	295/356.78/270
6	2024-2025				2	260	30	290/338.35/216

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Vương Quốc Anh năm 2009

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Đại học Quốc gia Chungbuk và Đại học ngoại ngữ Hankuk

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ TOEIC cấp năm 2004

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Dianta Ginting		X	X		09/2011 đến 07/2013	Đại học Quốc gia Chungbuk, Hàn Quốc	20/07/2016
2	Dương Thị Thanh Thủy		X	X		09/2016 đến 07/2018	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	26/07/2018
3	Vũ Hồng Tuân		X	X		09/2017 đến 12/2019	Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên	10/03/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Ảnh hưởng của điều kiện ủ đến vi cấu trúc, huỳnh quang và tính chất từ của màng ZnO chế tạo bằng phương pháp lắng đọng laser xung (PLD)	CN	Không mã số, Đại học Quốc gia Chungbuk, cấp Cơ sở	01/06/2009 đến 30/05/2010	30/05/2010, đã hoàn thành
2	Ảnh hưởng của xử lý nhiệt đến tính chất quang của hạt nano ZnO	CN	Không mã số, Đại học Quốc gia Chungbuk, cấp Cơ sở	01/06/2010 đến 30/05/2011	30/5/2012, đã hoàn thành
3	Tính chất quang của hạt nano ZnO tổng hợp bằng phương pháp nghiền bi năng lượng cao	CN	Không mã số, Đại học Quốc gia Chungbuk, cấp Cơ sở	01/06/2011 đến 30/05/2012	30/5/2011, đã hoàn thành
4	Phương pháp hiệu quả để tổng hợp hạt nano $\text{La}_{0.7}\text{Ca}_{0.3}\text{MnO}_3$: Đặc trưng cấu trúc và tính chất từ	CN	Không mã số, Đại học Quốc gia Chungbuk, cấp Cơ sở	01/06/2012 đến 30/05/2013	30/5/2013, đã hoàn thành
5	Sự đồng tồn tại của trật tự sắt từ và phản sắt từ trong hạt nano $\text{Sm}_{0.58}\text{Sr}_{0.42}\text{MnO}_3$ tổng hợp bằng phương pháp nghiền năng lượng cao	CN	Không mã số, Đại học Quốc gia Chungbuk, cấp Cơ sở	01/06/2013 đến 30/05/2014	30/5/2014, đã hoàn thành
6	Nghiên cứu cải thiện tính chất điện-từ bán dẫn áp điện của ZnO, TiO_2 và $(\text{Ba}, \text{Sr})\text{TiO}_3$ qua việc pha tạp và xử lý trong môi trường thiếu ôxi cho các ứng dụng đa chức năng	CN	CN23.09, Trường Đại học Công nghệ, cấp Cơ sở	06/10/2023 đến 04/06/2025	4/6/2025, Kết quả: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Electronic and magnetic phase diagram of La_{0.5}Sr_{0.5}Co_{1-x}Fe_xO₃ ($0 \leq x \leq 0.6$) perovskites	6	Có	Journal of Applied Physics	x - ISI IF: 2.38, Q1	29	97 10A509	04/2005
2	Spin dynamics and magnetic frustration effects in La_{1-x}Sr_xCoO₃ ($0 < x \leq 0.5$) compounds	5	Không	Journal of Applied Physics	x - ISI IF: 2.38, Q1		97 10A508	04/2005
3	Influence of A-site substitution on the EPR parameters of La_{0.7}A'_{0.3}MnO₃ (A' = Sr, Ba) compounds	5	Có	IEEE Transactions on Magnetics	x - ISI IF: 0.75, Q1	15	41 2769	10/2005
4	Relation between EPR spectra and electrical conductivity of Pr_{1-x}Pb_xMnO₃ perovskites	6	Không	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	x IF: 0.98, Q2	5	304 e448– e450	03/2006
5	Spin dynamics, electrical magnetic properties of (La_{0.5}Pr_{0.5})_{0.7}Pb_{0.3}Mn_{1-x}Cu_xO₃ ($x = 0, 0.02$) perovskites	6	Có	Physica B	x IF: 0.83, Q2	20	371, 317	01/2006
6	Electron spin resonance and Raman studies of Mn-doped ZnO ceramics	6	Có	Journal of Applied Physics	x - ISI IF: 2.21, Q1	25	101 09H103	03/2007
7	Raman scattering in Me-doped ZnO nanorods (Me = Mn, Co, Cu, and Ni) prepared by thermal diffusion	5	Có	Nanotechnology	x - ISI IF:	117	19 475702	10/2008

					3.446, Q1			
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
8	Characterization of (Mn, Co)-codoped ZnO nanorods prepared by thermal diffusion	5	Có	IEEE Transactions on Magnetics	x - ISI IF: 1.061, Q2	4	45, 06, 2435	06/2009
9	Influence of annealing temperature in spin dynamics of Mn in metal oxides: electron spin resonance study	5	Không	IEEE Transactions on Magnetics	x - ISI IF: 1.052, Q2	4	46 2028	06/2010
10	Magnetism in Co-doped rutile TiO2 nanoparticles	5	Không	Solid State Communications	x - ISI IF: 1.52, Q1	14	150, 39- 40, 1932- 1935	10/2010
11	Photoluminescence properties of various CVD-grown ZnO nanostructures	5	Có	Journal of Luminescence	x - ISI IF: 1.795, Q2	66	130 1142	02/2010
12	Influence of Mn doping on the structural, optical and magnetic properties of Zn1-xMnxO nanorods	8	Có	Journal of Applied Physics	x - ISI IF: 2.064, Q1	45	108 044910	08/2010
13	Coexistence of conventional and inverse magnetocaloric effects and critical behaviors in Ni50Mn50-xSnx (x = 13 and 14) alloy ribbons	8	Có	Applied Physics Letters	x IF: 3.85 , Q1	124	101, 21, 212403	11/2012
14	Defect-induced ferromagnetism in ZnO nanoparticles prepared by mechanical milling	6	Có	Applied Physics Letters	x - ISI IF: 3.844 , Q1	103	102, 7, 072408	02/2013
15	Optical and magnetic properties of Zn1-xMnxO nanorods grown by chemical vapour deposition	2	Có	The Journal of Physical Chemistry C	x - ISI IF: 4.99, Q1	44	117, 12, 6443– 6453	03/2013

16	Magnetic and magnetocaloric properties in La–(Fe–Co)–Si	7	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	x - ISI IF: 1.166, Q2	4	4, 2, 025018	05/2013
17	Low-field magnetoresistance of (1-x)La_{0.7}Ca_{0.3}MnO₃+xLa_{1.5}Sr_{0.5}NiO₄ nanocomposite	6	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology	x - ISI IF: 1.166, Q2	4	4, 3, 035001	06/2013
18	Coexistence of ferromagnetism and anti-ferromagnetism in Sm_{0.58}Sr_{0.42}MnO₃ nanoparticles prepared by mechanical milling	1	Có	New Physics: Sae Mulli (The Korean Physical Society)			64, 5, 502-507	08/2014
19	Critical behavior of Y-doped Nd_{0.7}Sr_{0.3}MnO₃ manganites exhibiting the tricritical point and large magnetocaloric effect	9	Có	Journal of Alloys and Compounds	x IF: 2.999, Q1	55	615 937– 945	07/2014
20	Local geometric and electronic structures and origin of magnetism in Co-doped BaTiO₃ multiferroics	8	Có	Journal of Applied Physics	x - ISI IF: 2.410, Q2	34	117, 17, 17D904	02/2015
21	Conventional and inverse magnetocaloric effects, and critical behaviors in and alloy ingot of Ni₄₃Mn₄₆Sn₈In₃	7	Không	Current Applied Physics	x - ISI IF: 1.371, Q2	7	15 1200- 1204	07/2015
22	Y-doped La_{0.7}Ca_{0.3}MnO₃ manganites exhibiting a large magnetocaloric effect and the crossover of first-order and second-order phase transitions	7	Có	Journal of Applied Physics	x IF: 2.410, Q2	40	118, 14, 143902	10/2015
23	First-to-second-order magnetic-phase transformation in La_{0.7}Ca_{0.3}-xBaxMnO₃ exhibiting large magnetocaloric effect	10	Có	Journal of Alloys and Compounds	x - ISI IF: 4.282, Q1	89	657 818– 834	10/2015

24	Magnetic and magnetocaloric properties of Ni-Ag-Mn-Sn ribbons and their composites	7	Không	Journal of Alloys and Compounds	x - ISI IF: 3.779, Q1	10	696 1129– 1138	12/2016
25	Electronic structure, optical and magnetic studies of PLD-grown (Mn, P)-doped ZnO nanocolumns at room temperature	5	Có	Journal of Physics D: Applied Physics	x - ISI IF: 2.986, Q2	6	50 295002	06/2017
26	Electronic structures and magnetic properties of Al-doped Ca₂Fe₂O₅ brownmillerite compounds	8	Có	Journal of the American Ceramic Society	x IF: 3.254, Q1	47	101, 5, 2181– 2189	05/2018
27	Pressure-induced modifications of the magnetic order in the spin chain compound Ca₃Co₂O₆	13	Không	Physical Review B	x IF: 3.736 , Q1	27	98 134435	10/2018
28	Crystalline and electronic structure and magnetic properties of La-doped Ba₃Co₂Fe₂₄O₄₁ hexaferrites	5	Không	Journal of Physics and Chemistry of Solids	x - ISI IF: 3.56 , Q2	34	131 55- 61	03/2019
29	Structural, magnetic and electronic properties of Ti-doped BaFeO_{3-δ} exhibiting colossal dielectric permittivity	19	Không	Journal of Alloy Compounds	x - ISI IF: 4.65, Q1	22	808 151760	08/2019
30	Crystalline and electronic structures and magnetic properties of BaCo_{1-x}MnxFe₁₁O₁₉ hexaferrites	6	Có	Journal of Alloy Compounds	x - ISI IF: 4.65, Q1	29	816 152528	10/2019
31	Electronic structure and magnetic and microwave absorption properties of Co-doped SrFe₁₂O₁₉ hexaferrites	6	Không	Ceramics International	x - ISI IF: 4.527, Q1	70	46, 11, 19506- 19513	05/2020
32	Electronic structure and multiferroic properties of (Y, Mn)-doped barium hexaferrite compounds	11	Không	Journal of Alloy Compounds	x - ISI IF: 5.88 , Q1	26	867 158794	02/2021

33	Assessment of the magnetocaloric effect upon the magnetic entropy change	5	Không	New Physics: Sae Mulli (The Korean Physical Society)/	IF: Q4	7	71, 4, 316-326	04/2021
34	Coexistence of Zn and Fe ions influenced magnetic and microwave shielding properties of Zn-doped SrFe12O19 ferrites	7	Không	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	x - ISI IF: 3.097, Q2	34	537 168195	07/2021
35	X-ray absorption and Mössbauer spectra, and microwave absorption properties of (Co, Mn)-doped SrFe12O19 hexaferrites	7	Có	Current Applied Physics	x - ISI IF: 2.856, Q2	19	29 114-121	07/2021
36	Magnetocaloric effect in Ba-doped LaCoO3 cobaltites showing second-order phase transitions	11	Có	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	x - ISI IF: 3,097, Q2	10	539 168378	12/2021
37	High pressure-enhanced magnetic ordering and magnetostructural coupling in geometrically frustrated spinel Mn3O4	18	Có	Physical Review B	x - ISI IF: 3.7, Q1	12	105 094430	03/2022
38	Enhanced microwave absorption features of Ba3Co2Fe24O41 hexaferrite by high lanthanum doping concentration	6	Không	Journal of the American Ceramic Society	x IF: 3.9 , Q1	26	105, 6, 4122-4134	06/2022
39	Magnetocaloric effect in Y-doped La0.6Ca0.4MnO3 enhanced by Griffiths phase and re-entrance of first-order phase transition	10	Có	Current Applied Physics	x IF: 2.48, Q2	5	42 7-21	07/2022
40	High pressure-driven magnetic disorder and structural transformation in Fe3GeTe2: Emergence of a magnetic quantum critical point.	11	Không	Advanced Science	x - ISI IF: 17.5, Q1	17	10 2206842	03/2023
41	Large magnetocaloric effect of Cu-doped La0.7Ca0.3MnO3 compounds.	5	Không	Materials Transactions	x - ISI IF: 1.2, Q3	3	64, 8, 1991-1999	05/2023

42	Electronic structure and magnetocaloric effect of Sr-doped SmCoO3 perovskites	8	Không	Journal of Electronic Materials	x - ISI IF: 2.047, Q2	10	52, 1, 177-187	01/2023
43	Towards hard-magnetic behavior of CoFe2O4 nanoparticles: a detailed study of crystalline and electronic structures, and magnetic properties	4	Không	RSC Advances	x IF: 4.036, Q1	15	13 8163-8172	03/2023
44	Tetragonal-structural changes influenced the magnetic and ferroelectric properties of (Y, Fe)-codoped BaTiO3 ceramics	5	Không	Current Applied Physics	x - ISI IF: 2.856, Q2	5	53 39-45	06/2023
45	Electronic structure, and dielectric, magnetic and reflection-loss behaviors of BaFe12-xMnxO19 (0 < x ≤ 2) hexaferrites	7	Có	Journal of Magnetism and Magnetic Materials	x - ISI IF: 2.7, Q2	7	588 171486	11/2023
46	Magnetic and magnetocaloric behaviors of a perovskite/hausmannite composite	11	Có	Current Applied Physics	x - ISI IF: 3.1, Q2	1	60 57-63	02/2024
47	Enhanced photocatalytic activity and ferromagnetic ordering in hydrogenated Zn1-xCoxO	12	Có	Journal of Materials Science	x - ISI IF: 3.5, Q1	3	59 9217-9236	05/2024
48	Contrasting shell thickness-dependent magnetic behaviors of CoFe2O4@Fe3O4 and Fe3O4@CoFe2O4 core/shell nanoparticles	10	Không	Journal of Alloys and Compounds	x - ISI IF: 6.3, Q1	1	1005 176138	08/2024
49	Magnetocaloric effect of LiErP4O12 single crystal exhibiting competing ferromagnetic and anti-ferromagnetic interactions	5	Có	Current Applied Physics	x - ISI IF: 3.1, Q2		68 224-229	10/2024
50	Various CVD-grown ZnO nanostructures for nanodevices and interdisciplinary applications	4	Có	Beilstein Journal of Nanotechnology	x - ISI IF: 2.6, Q2		15 13901399	11/2024

51	Enhanced magnetic ordering, and microwave-shielding and photocatalytic performance in hydrogenated ZnO nanoparticles.	8	Có	Applied Surface Science	x - ISI IF: 6.9, Q1	690 162636	02/2025
52	Griffiths phase and magnetocaloric behaviors of Co-doped Nd_{0.6}Sr_{0.4}MnO₃.	5	Có	Current Applied Physics	x - ISI IF: 3.1, Q2	77 85–93	06/2025
53	Fabrication process of ceramic capacitor derived from lead-free Bi_{0.5}(Na_{0.8}K_{0.2})_{0.5}TiO₃ bulk and powder synthesized via sol-gel method	14	Không	Applied Physics A	x - ISI IF: 2.5, Q2	131 36	01/2025
54	Optical, photocatalytic and magnetic properties of ZnO nanostructures prepared by thermal decomposition	10	Có	VNU Journal of Science: Mathematics – Physics	x - ISI IF: Q2	41, 1, 34-48	03/2025
55	Revealing crucial factors governing magnetic properties of high-energy ball-milled CoFe₂O₄ nanoparticles	18	Không	Ceramics International	x - ISI IF: 5.1, Q1	51, 4, 5168- 5180	02/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 25 ([8] [11] [12] [13] [14] [15] [19] [20] [22] [23] [25] [26] [30] [35] [36] [37] [39] [45] [46] [47] [49] [50] [51] [52] [54])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Nhóm chuyên gia điều chỉnh, cập nhật các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ	Tham gia	1076/QĐ-ĐHCN, 27/10/2023	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN	Theo qui định của Trường Đại học Công nghệ	Đã hoàn thành
2	Tổ công tác xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ vật liệu	Chủ trì	2368/QĐ-ĐHCN, 29/10/2024	Trường Đại học Công nghệ - ĐHQGHN	Theo qui định của Trường Đại học Công nghệ	Đã hoàn thành

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2025

**Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)**